

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày 21-03-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dương Tiền

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 21 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 13/02/2018 đối với bị cáo:

Mang Tấn B; sinh năm 1991, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ô5/159A, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mang Tấn N và bà Đặng Thị P; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Mang Tấn B: Luật sư Nguyễn Văn N – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI D V U Á N

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 3/2017, Mang Tấn B và chị Nguyễn Thị Mỹ D quen biết nhau qua mạng xã hội Zalo, rồi nảy sinh tình cảm và quan hệ tình dục với nhau. Đến khoảng đầu tháng 4/2017, B gọi điện thoại rủ chị D đi nhà nghỉ để quan hệ tình dục thì chị D nói đã có gia đình nên không muốn quan hệ với B. B

nói dối với chị D là khi quan hệ tình dục trước đó thì B có quay phim, chụp ảnh lại, rồi đe dọa chị D nếu không cho quan hệ tình dục thì B sẽ đăng hình ảnh, đoạn phim này lên trang mạng xã hội và nói cho gia đình chồng của chị D biết, nhằm mục đích uy hiếp tinh thần của chị D. Do sợ bị ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình nên trong tình trạng quần bách chị D miễn cưỡng cho B quan hệ tình dục thêm 06 lần vào khoảng 20 giờ, tại nhà nghỉ Thanh Thanh B và nhà nghỉ Anh Thư đều thuộc ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, mỗi lần cách nhau khoảng 01 tuần, mỗi lần B đều đe dọa chị D.

Trong thời gian này, B liên tục gây sức ép mượn tiền của chị D 6 lần tổng cộng 4.000.000 đồng để tiêu xài. Sau đó, B tiếp tục hỏi mượn của chị D 2.000.000 đồng và hứa sẽ đưa lại cho chị D toàn bộ hình ảnh và đoạn phim, hứa sẽ không nói cho ai biết và không liên lạc với chị D, nhưng chị D không đồng ý cho mượn tiền.

Đến khoảng cuối tháng 5/2017, biết B không thực hiện lời hứa và nhiều lần đe dọa chị D để cho quan hệ tình dục, chị D nói lại sự việc cho chị Phạm Thị Sen nghe và nhờ chị Sen thế vai mẹ ruột của chị D gọi điện thoại kêu B không uy hiếp chị D thì sẽ đưa cho B 2.000.000 đồng. Nghe vậy, B đồng ý, nhưng do chị D chưa có tiền đưa cho B nên B liên lạc điện thoại đe dọa chị D yêu cầu đưa tiền thì chị D nói cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ biết và nhờ bà Lệ nói với anh Huỳnh Công Tuấn là chồng của chị D xin anh Tuấn tha thứ.

Đến đầu tháng 6/2017, B nhiều lần liên lạc điện thoại đe dọa chị D cho quan hệ tình dục thì chị D không đồng ý. B tiếp tục đe dọa, yêu cầu chị D phải cho mượn 2.000.000 đồng thì B cam kết sẽ không làm phiền chị D thì chị D đồng ý và hẹn vài ngày sau sẽ đưa, đồng thời chị D yêu cầu B viết giấy cam kết không được tống tiền chị D.

Ngày 05/6/2017, B viết giấy cam kết, nhưng sợ chị D báo Công an nên viết tên là Lê Văn B. B để tờ giấy cam kết ở phía trước nhà của chị D và gọi điện thoại cho chị D biết, rồi bỏ đi. Chị D ra lấy tờ cam kết xem thấy B không ghi rõ số tiền mượn nên chị D không đồng ý và nhờ anh Võ Phú Quốc viết lại dùm nội D tờ cam kết khác.

Ngày 07/6/2017, chị D gọi điện thoại hẹn B tại đường hẻm gần nhà và đưa tờ cam kết cho B xem thì B đồng ý ký tên xác nhận, rồi đi về. Sau đó, do chị D chưa có tiền đưa cho B nên B tiếp tục liên lạc điện thoại yêu cầu chị D đưa tiền và cho B quan hệ tình dục một lần nữa.

Ngày 10/6/2017, biết B không thực hiện lời cam kết, chị D đến Công an thị trấn Gò Dầu tố cáo hành vi của B. Đến 19 giờ cùng ngày, chị D hẹn gặp B tại quán cà phê Tiến Đạt thuộc khu phố Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu để giao tiền. Tại quán cà phê, chị D đưa cho B 4.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng là tiền chị D đưa cho B mượn và 2.000.000 đồng là mẹ của chị D hứa đưa cho B để B không uy hiếp chị D thì bị Công an thị trấn Gò Dầu bắt quả tang cùng vật chứng.

Theo kết quả xét nghiệm HIV của Trung tâm y tế dự phòng thuộc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh đối với Mang Tấn B: Kết quả âm tính.

Theo kết luận giám định số 112 ngày 31/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chữ viết trên 01 tờ giấy cam kết tên Lê Văn B với chữ viết trên 01 bản tự khai của Mang Tấn B là do cùng một người viết ra.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 tờ giấy cam kết tên Lê Văn B; tiền Việt Nam 4.000.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, đã trả lại cho chị D; 01 đĩa CD có chứa những file ghi âm cuộc nói chuyện giữa B và chị D được sao lưu từ điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 Prime của chị D.

Về bồi thường thiệt hại: B đã bồi thường tiền chiếm đoạt và tiền tổn thất tinh thần cho chị D 14.000.000 đồng nên chị D làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho B.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSGD ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Mang Tấn B về tội “Cưỡng dân” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 113 và khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo B về tội “Cưỡng dân” và “Cưỡng đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 113 và khoản 1 Điều 135; điểm đ khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo Mang Tấn B từ 04 đến 05 năm tù về tội “Cưỡng dân” và 01 đến 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về biện pháp tư pháp:

- Căn cứ Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 592 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu, tiêu hủy 02 giấy cam kết mang tên Lê Tấn B, 01 đĩa CD ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo B và chị D được sao lưu từ điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 Prime của chị D.

+ Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mỹ D đã nhận lại 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime và 4.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho chị D 10.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và 4.000.000 đồng tiền chiếm đoạt. Ghi nhận chị D không yêu cầu bồi thường gì thêm. chị D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Mang Tấn B: Không nhất trí với bản cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Luật sư cho rằng hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội cưỡng dân và cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại Điều 113 và Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì chị D không phải là người lệ thuộc, không ở trong tình trạng quản bách, chị D có thể kháng cự hoặc phản ứng lại được, bị cáo không dùng vũ lực để buộc chị D cho quan hệ tình dục, thực tế bị cáo không có quay lại phim lân quan hệ trước mà bị cáo chỉ nói dối, mục đích để chị D tiếp tục cho quan hệ tình dục. Do đó lời nói dối của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội cưỡng dân. Bị cáo B cũng không cưỡng

đoạt tài sản của chị D, giữa bị cáo và chị D cho vay tiền với nhau có lấy lãi và có làm giấy vay mượn với nhau, bị cáo có trả lãi cho chị D 01 lần với số tiền 150.000 đồng, chị D cũng thừa nhận có nhận lãi từ bị cáo B với số tiền 150.000 đồng, nên đây không phải là hành vi cưỡng đoạt tài sản như vậy đại diện Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo B về hành vi cưỡng đoạt tài sản là không có căn cứ, mà đây chỉ là hình thức giao dịch dân sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mang Tấn B không có tội.

Bị cáo trình bày bổ sung: Bị cáo cho rằng quan hệ lần đầu là chị D tự nguyện bị cáo không ép buộc, lần sau bị cáo muốn tiếp tục quan hệ với chị D nhưng chị D không đồng ý cho nên bị cáo nói dối với chị D bị cáo có quay lại phim lần quan hệ trước và uy hiếp sẽ cho gia đình chồng và chồng chị D biết nếu chị D không cho quan hệ tiếp, thực tế bị cáo không có quay lại phim. Đối với số tiền 4.000.000 đồng là bị cáo mượn chị D 06 lần, có trả cho chị D 150.000 đồng tiền lãi nên không phải là tiền mà bị cáo đe dọa cưỡng đoạt chị D. Bị cáo chỉ đe dọa chị D lấy 2.000.000 đồng tại quán cà phê Tiến Đạt, vì lúc bị cáo lấy tiền từ chị D, bị cáo chỉ nói lấy 2.000.000 đồng nhưng chị D nói 2.000.000 đồng còn lại là trước đây mẹ chị D hứa đưa cho bị cáo để không uy hiếp chị D, bị cáo vừa nhận tiền thì Công an thị trấn Gò Dầu bắt quả tang, bị cáo xác nhận lại là chỉ cưỡng đoạt chị D 2.000.000 đồng, không phải 4.000.000 đồng.

Ý kiến của người bị hại: Chị D cho rằng có quan hệ tình dục với bị cáo B lần đầu là chị tự nguyện, những lần quan hệ tình dục sau là do bị cáo B đe dọa cho rằng có quay phim và hình ảnh lại lần quan hệ trước. Đồng thời bị cáo B liên tục đe dọa gây sức ép để chị đưa tiền 06 lần 4.000.000 đồng, vì không có tiền nên chị mượn của người khác đưa cho B và yêu cầu B trả lãi, B chỉ đưa cho chị 150.000 đồng, sau đó B tiếp tục đe dọa hỏi mượn chị tiếp 2.000.000 đồng và mẹ chị 2.000.000 đồng. Đến ngày 10/6/2017 chị có hẹn B để giao tiền, B nhận tiền thì bị Công an bắt giữ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án do Kiểm sát viên đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người liên quan khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thực hiện: Từ đầu tháng 4/2017 ngày 10/6/2017, trên địa bàn huyện Gò Dầu, Mang Tấn B đã dùng thủ đoạn nói dối với chị Nguyễn Thị Mỹ D là khi quan hệ tình dục trước đó thì B có quay phim, chụp ảnh lại, rồi đe dọa chị D nếu không cho quan hệ tình dục thì B sẽ đăng hình ảnh, đoạn phim này lên trang mạng xã hội và nói cho gia đình chồng của chị D biết, nhằm

mục đích uy hiếp tinh thần của chị D, chị D phải miễn cưỡng cho bị cáo B quan hệ tình dục 06 lần và phải giao 8.000.000 đồng để B chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Do đó hành vi của bị cáo B xét thấy có đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng dâm” và “Cưỡng đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 113 và khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã dùng mọi thủ đoạn gian dối và đe dọa để quan hệ tình dục và chiếm đoạt tiền của chị D, làm cho tinh thần chị D và gia đình hoang mang lo sợ, bị cáo làm cho chị D lo sợ cuộc sống gia đình tan vỡ, gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử phạt tù mới đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật khi hòa nhập cộng đồng, nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên có xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo thì thấy: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án tiền sự; bị cáo đã trả lại tiền và bồi thường thiệt hại cho chị D xong, chị D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời bị cáo B đã hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ năm 2016. Từ những phân tích trên cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo thấy rằng: Bị cáo B đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn nói dối với chị D có quay phim, chụp ảnh lại của lần quan hệ tình dục trước đó nhằm uy hiếp tinh thần của chị D để chị D cho quan hệ tình dục và thực tế vì lời uy hiếp đó chị D đã miễn cưỡng cho Bị cáo quan hệ tình dục 06 lần. Cũng từ thủ đoạn trên bị cáo đã uy hiếp chị D nhiều lần để lấy tổng cộng số tiền 8.000.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo B có đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng dâm” và “Cưỡng đoạt tài sản” nên Hội đồng xét xử xét thấy lời bào chữa của Luật sư là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã trả lại tiền và bồi thường thiệt hại cho chị D xong. Tại phiên tòa chị D không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: 02 giấy cam kết mang tên Lê Tấn B, 01 đĩa CD ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo B và chị D. Hội đồng xét xử xét thấy những vật chứng trên không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Mang Tấn B phạm tội: “Cưỡng dâm” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 113; điểm đ khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Mang Tấn B 04 (bốn) năm tù về tội “Cưỡng dân”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Mang Tấn B 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Mang Tấn B phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2017.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 592 Bộ luật dân sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 giấy cam kết mang tên Lê Tấn B, 01 đĩa CD ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo B và chị D. (Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu đang quản lý).

Ghi nhận bị cáo B đã trả lại cho chị D số tiền chiếm đoạt và bồi thường tiền tổn thất tinh thần tổng cộng là 14.000.000 đồng.

3. Án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- THADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Quảng

